

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân; Ông Lò Văn Thôn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26 /2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tòng Văn L, sinh năm 1975, nơi ĐKKHKT: Bản L, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị O, sinh năm 1977, nơi ĐKKHKT: Bản L, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01/3/2023 và bản tự khai ngày 02/3/2023 nguyên đơn anh Tòng Văn L trình bày:

Ông và bà O kết hôn với nhau từ ngày 14 tháng 4 năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình

không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông đề nghị xin được ly hôn bà O.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tòng Văn B, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1995 và Tòng Thị N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998. Nay các cháu đã trưởng thành và lập gia đình ở riêng, nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Lương Thị O: Trong quá trình giải quyết vụ án bà O không hợp tác. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết tại địa phương, nhưng bà O vẫn cố tình không có mặt tại tòa để giải quyết vụ án.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu:

- Về quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin được xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Ông L và bà O có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 4 năm 1994 trên cơ sở tự nguyện do UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn, căn cứ các điều 8,9 luật hôn nhân gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn thì đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và đang sống ly thân, quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh L và chị O đã trầm trọng, việc nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình ly hôn theo yêu cầu một bên. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu đơn xin ly hôn của anh Tòng Văn L, tuyên xử cho anh Tòng Văn L được ly hôn với chị Lương Thị O.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tòng Văn B, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1995 và Tòng Thị N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998. Nay hai con đã trưởng thành lập gia đình ở riêng nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí xét xử sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền tố tụng:

- Bị đơn bà Lương Thị O có hộ khẩu thường trú tại Bản L, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập yêu cầu bà Lò Thị O đến Tòa án hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà O không chấp hành. Việc vắng mặt của bị đơn Tòa án xác định là do cố tình trốn tránh, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Đó đó, Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tòng Văn L kết hôn với bà Lương Thị O trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống ông L và bà O sống không hạnh phúc, do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xung đột, đã ly thân được 04 năm nay. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của ông L và bà O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông L xin ly hôn bà O là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của xin ly hôn của ông L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tòng Văn B, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1995 và Tòng Thị N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998. Nay các

cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung; vay nợ chung: Không có và không kê khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Tòng Văn L. Xử cho ông Tòng Văn L được ly hôn bà Lường Thị O.

2. Về án phí: Ông Tòng Văn L phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/ 0003021 ngày 03/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát;
- THADS;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã C.
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Quyết

